TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 122/2017/DS-PT
Ngày: 25/9/2017
V/v:Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn
Các Thẩm phán: Bà Lâm Thị Hiển
Bà Lưu Thị Thu Hường

Thư ký phiên tòa:BàPhan Thị Linh Chi– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk*:**Ông Nguyễn Trọng Vượng-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa phúc thẩm để xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2017/TLPT-DSngày 08/8/2017,về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DSST ngày26/6/2017 của Toà án nhân dânhuyện Cư Kuin bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụán ra xét xử phúc thẩm số 153/2017/QĐ-PT ngày 31/8/2017,giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy N, sinh năm 1946; có mặt.

Địa chỉ: Thôn 02, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1964; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 01, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người làm chứng:

-Bà Vũ Thị T, sinh năm 1947; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 04, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

-Bà Đoàn Thị Thu D, sinh năm 1952, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 02, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Huy N, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Thôn 02, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Huy N trình bày:

Ngày 27/3/1997, ông Nguyễn Công H có vay của ông 05 cây vàng 97%, lãi suất 03 chỉ vàng/01 cây/năm, thời hạn vay đến ngày 30/12/1997. Hai bên thống nhất qua năm 1998 ông H phải trả cho ông N 65 chỉ vàng 97% cả gốc và lãi. Khi vay, ông H có viết giấy vay và hai bên ký xác nhận.

Quá trình vay, ông H đã trả cho ông N được tổng cộng 15 chỉ vàng 97% (ngày 14/3/1998 trả 10 chỉ, ngày 25/02/1999 trả 05 chỉ) lãi suất của năm 1997. Ông Nthừa nhậncó viết giấy biên nhận và giao giấy cho ông H giữ. Ông N xácđịnh giấy biên nhận đề ngày 18/5/1998 (bản photo) do ông Hcung cấp đúng là chữ ký của mình và có nhận số vàng như trên. Về phía ông N chỉ viết vào bản ghi nhớ để theo dõi. Ông Ncho rằng tổng 15 chỉ vàng 97% mà ông N đã nhận của ông H vào ngày 14/3/1998 và ngày 25/02/1999 với số vàng ghi trong giấy ngày 18/5/1998 và số vàng ghi ở đoạn trên của bản ghi nhớ có nội dung nhận 10 chỉ vàng và 05 chỉ vàng chỉ là một. Tổng cộng từ trước đến nay ông H mới trả cho ông Nsố lãi 15 chỉ vàng 97%. Còn việc giấy tờ ông N cung cấp bị sửa ngày, tháng, năm hay thời gian chênh lệch với giấy do ông H cung cấp là do ông N nhầm lẫn.

Đến hạn trả nợ ông N đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H cứ khất lần mãi. Nên đến ngày 22/12/2016, ông N mới khởi kiện ra Tòa án. Khi khởi kiện, ông N trừ 15 chỉ vàng 97% mà ông H đã trả lãi vào khoản vay gốc nên chỉ yêu cầu ông H trả 35 chỉ vàng 97% và lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện và yêu cầu như sau: 15 chỉ vàng 97% mà ông H đã trả lãi được trừ vào lãi suất từ ngày vay 27/3/1997 đến ngày 29/12/1998, ông H có nghĩa vụ trả đủ cho ông N số nợ gốc là 50 chỉ vàng 97% và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 30/12/1998 đến ngày 26/6/2017.

Bị đơn - ông Nguyễn Công H trình bày:

Ngày 27/3/1997, ông H và bà M (đã chết năm 2016) đến nhà ông N vay 50 chỉ vàng 97%, thỏa thuận lãi suất 03 chỉ vàng/01 cây vàng/năm. Thời hạn vay 01 năm,sang năm 1998 phải trả 65 chỉ vàng 97% cả gốc và lãi. Giấy vay vàng do ông H viết, các bên ký xác nhận. Việc vay mượn nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.Sự việc chỉ có ông H, ông N và bà M chứng kiến, ngoài ra

không còn ai khác. Mục đích bị đơn vay là để cho bà Vũ Thị T vay lại và lấy lãi suấtchênh lệch.

Đến năm 1998, ông H trả cho ông N 15 chỉ vàng 97% lãi suất, ông N có viết giấy cho ông H nhưng hiện nay ông H chỉ còn bản phôtô đề ngày 18/5/1998.

Năm 1999 ông H trả cho ông N 20 chỉ vàng 97%; năm 2000 trả 25 chỉ vàng 97%; năm 2001 trả 30 chỉ vàng 97% nhưng hiện nay không còn giấy tờ gì.

Tính đến cuối năm 2001, ông H đã trả cho ông N tổng cộng 90 chỉ vàng 97%(trong đó gốc là 50 chỉ và lãi 40 chỉ), ông H chỉ còn nợ ông N 05 chỉ vàng 97% lãi. Do không có khả năng trả nợ nên ông Nnhiều lần yêu cầu nhưng ông H vẫn chưa trả được.Đối với yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa thì ông Hchỉ chấp nhận trả sốlãi còn lại là 05 chỉ vàng 97%.

Về việc vay mượn giữa ông và bà T thì ông H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người làm chứng - bà Vũ Thị T trình bày:**

Bà T chỉ là quen biết với vợ chồng ông H, bà M, còn không quen biết với nguyên đơn.Năm 1997, bà T vay bà M 03 cây vàng 97% thì bà M nói sẽ vay của ông N để cho bà T vay lại. Sau khi nhận 03 cây vàng từ bà M, ông H, mười ngày sau bà T tiếp tục vay bà M thêm 02 cây vàng, tổng cộng là 05 cây vàng, hẹn 01 năm sau sẽ trả, khi vay không viết giấy tờ gì. Bà T phải chịu lãi 04 chỉ vàng/01 cây/năm. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên đến năm 1999 bà T mới trả được cho ông H 04 cây vàng 97% (trả làm 02 đợt, đợt 1: 01 cây, đợt 2: 03 cây). Sau đó bà T phải nhờ ông H bà M tìm người mua lại nhà của bà để có tiền trả nợ. Số tiền bán được là 10 cây vàng, bà T trả cho ông H 03 cây. Tổng cộng bà T đã trả được 07 cây vàng 97% bao gồm cả gốc và lãi. Việc ông N đến nhà ông H bà M đòi nợ thì bà Tcó nghe bà M nói lại và yêu cầu bà T trả nợ. Sau này, ông H có dẫn ông N vào nhà bà T xem nhà và đất để khấu trừ nợ nhưng ông N không đồng ý mua lại.Bà T chỉ nghe nói bà M vay vàng của ông N chứ không chứng kiến việc vay, giao nhận và trả nợ giữa ông N và ông H.

*** Người làm chứng - bà Đoàn Thị TD trình bày:**

Bà D là vợ của ông Nguyễn Huy N và chỉ là quen biết bị đơn do cùng giáo xứ.Việc ông N cho ông H bà M vay vàng, bà D không biết. Chỉ sau khi cho bị đơn vay vàng thì ông N mới nói với bà D là cho ông H bà M vay 50 chỉ vàng, lãi suất 03 chỉ vàng/01 cây vàng/năm. Sau đó bà D nghe ông N nói lại là vợ cH ông H đã trả được 15 chỉ vàng 97%.Từ đó đến nay, bà D được ông Ncho biết đã đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông H khất lần, trốn tránh không trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DSST ngày 26/6/2017, Toà án nhân dân huyện Cư Kuinđã quyết định:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 23 Nghị quyết số 03/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, TAND Tối cao, VKSND Tối cao; Quyết định số 57-QĐ/NH1 ngày 31/3/1992 của N hàng nhà nước.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy N.

Buộc ông Nguyễn Công H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy N26,15 chỉ vàng 97%, tương đương số tiền 88.387.000 đồng *(Tám mươi tám triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn đồng).*

Áp dụng quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy N về việc yêu cầu ông Nguyễn Công H trả 23,85 chỉ vàng 97%, tương đương số tiền 80.613.000 đồng *(Tám mươi triệu sáu trăm mười ba ngàn đồng).*

Áp dụng Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩmcòn giải quyết về án phí dân sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa Tận thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2017 ông Nguyễn Huy N kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, buộc ông Nguyễn Công H phải trả cho ông N 50 chỉ vàng 97% gốc và xét lại phần án phí của ông Nguyễn Huy N.

Ngày 24/7/2017,Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo;Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Huy N, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DSST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, và cácđương sự.

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Huy N đề nghị cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Công H phải trả cho ông 50 chỉ vàng 97% gốc là không có căn cứ. Bởi lẽ, trong bảng theo dõi nợ do ông N cung cấp thể hiện lần 1 ông H đã trả 15 chỉ vàng 97% là lãi suất năm 1997, lần 2 là 10 chỉ vàng 97% lãi suất năm 1998, lần 3 là 05 chỉ vàng 97% lãi suất năm 1999. Ngoài ra ông H còn cung cấp một giấy nhận tiền ngày 18/5/1998 có ghi nội dung nhận của ông H 15 chỉ vàng. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ông N đã nhận của ông H 03 lần với số lãi tổng cộng là 30 chỉ vàng 97%. Căn cứ vào Quyết định số 57-QĐ/NH1 ngày 31/3/1992 của N hàng Nhà nước thì mức lãi suất cho vay vàng là 7%/năm tương đương với số lãi mà ông N được nhận từ ngày 27/3/1997 đến ngày 29/12/1998 theo quy định của pháp luật là: 50 chỉ x 642 ngày x 7%/năm = 6,15 chỉ. Như vậy, ông N đã nhận số lãi vượt quá quy định là 23,85 chỉ vàng 97% nên được trừ vào số nợ gốc ông H còn phải trả cho ông N là 50 chỉ - 23,85 chỉ = 26,15 chỉ vàng 97%.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

- Theo đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông H phải trả gốc là 35 chỉ vàng và lãi suất. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu ông H phải trả 50 chỉ vàng là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu là có căn cứ. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về việc xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu:

"1. Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu."

Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Huy N thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Công H phải trả 50 chỉ vàng là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì khi có yêu cầu khởi kiện bổ sung người khởi kiện bổ sung phải nộp thêm tiền tạm ứng án phí vàToà án phải tổ chức hoà giải,…. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơnlà không đúng quy định của pháp luật.

- Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Công H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy N 26,15 chỉ vàng 97% tương đương với số tiền 88.387.000 đồng là chưa cụ thể, chưa rõ ràng, gây khó khăn cho việc Thi hành án. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sựnăm 1995quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay :

"1.Bên vay tài sản là tiền, thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật, thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả Tận khác.

2. Trong trường hợp bên vay không thể trả vật, thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý."

Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Công H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy Nbằng vàng và quy thành tiền là không đúng mà cần tuyên buộc ông Nguyễn Công H phải trả cho ông N 26,15 chỉ vàng 97%. Trường hợp không thể trả bằng vàng thì có thể trả bằng tiền theo giá vàng tại thời điểm trả nợ.

- Đối với phần án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu vượt quá của ông N không được chấp nhận nên cần tính lại phần án phí dân sự sơ thẩm; Ông N có nghĩa vụ chịu án phí đối với phần không được Toà án chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện ban đầu là 35 chỉ - 26,15 chỉ = 8,85 chỉ vàng 97%. Căn cứ theo biên bản xác minh ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin tại Doanh nghiệp tư nhân vàng bạc B thì giá vàng 97% ngày 26/6/2017 là 3.380.000đ/1chỉ. Như vậy, nguyên đơn ông Nguyễn Huy N phải chịu 1.495.650 đồng (8,85 chỉ x 3.380.000 đồng/chỉ x 5% = 1.495.650.000đ) tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Huy N số tiền 1.129.350 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2014/0043523 ngày 15/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Nguyễn Huy Nkhông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5; khoản 2, khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147;Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 23 Nghị quyết số 03/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông

tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, TAND Tối cao, VKSND Tối cao; Quyết định số 57-QĐ/NH1 ngày 31/3/1992 của N hàng nhà nước;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 664/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/7/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Huy N về phần án phí - Sửa một phần bản án sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 26/6/2017 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

Tuyên xử:

[1] Buộc ông Nguyễn Công H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy N 26,15 chỉ vàng 97%. Trường hợp không thể trả bằng vàng thì có thể trả bằng tiền theo giá vàng tại thời điểm trả nợ, nếu được ông N đồng ý.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:Nguyên đơn ông Nguyễn Huy N phải chịu 1.495.650 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông N số tiền 1.129.350 đồng đã nộptạm ứng án phí theo biên lai số AA/2014/0043523 ngày 15/02/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bị đơn ông Nguyễn Công H phải chịu 4.419.350 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Huy Nkhông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông N số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0000060 ngày 20/7/2017của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Duy Tuấn